TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1188**/2019/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 12 - 2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài

2. Bà Hoàng Thị Thành

- Thư ký phiên tòa:Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân Tp. Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 900/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 170 Lê Hồng P, Tp. Q, tỉnh B.

- Bị đơn:Anh Phạm Quang M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 170 Lê Hồng P, Tp. Q, tỉnh B.

(Chị N có mặt; anh M vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như N trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh Phạm Quang M có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 24/12/2016.Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chị tại 170 L, Tp. Q. Đến ngày 18/6/2019 chị và anh M đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Tp. Q. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, không có sự đồng cảm chia sẻ. Anh M ít quan tâm chăm lo gia đình, vợ con; ngoài ra anh M còn chơi cá độ bóng đá gây nợ nần. Chị đã nhiều lần động viên anh M sửa chữa nhưng anh M không nghe từ đó vợ chồng sống lạnh nhạt với nhau. Mặc dù chị và anh M tìm nhiều giải pháp để giải quyết mâu thuẫn và hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả nên vợ chồng tự sống ly thân. Hiện nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Phạm Quang M để ổn định cuộc sống riêng.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh M có 01 con chung tên Phạm Lâm A, sinh ngày 09/4/2018; sức khỏe cháu A bình thường và đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu A; chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

*Bị đơn anh Phạm Quang M:*Tòa đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh M không đến Toà làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56Luật hôn nhân và gia đìnhchấp nhận yêu cầu của chị N xin ly hôn anh M.

-Về nuôi con chung:

+ Giao con chung Phạm Lâm A, sinh ngày 09/4/2018 cho chị Nguyễn Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Như N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Phạm Quang M; trú tại: 170 Lê Hồng P, Tp. Q, tỉnh B.Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Q.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tống đạt, niêm yết hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh Phạm Quang M nhưng anh M không đến Tòa làm việc. Tòa án kết hợp chính quyền địa phương đến nhà anh M tiến hành lấy lời khai nhưng anh M vắng mặt nên không lấy được lời khai. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh M không có mặt tại phiên toà; đây là trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Như N xin ly hôn anh Phạm Quang M, HĐXX nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị Như N và anh Phạm Quang M đăng ký kết hôn vào ngày18/6/2019 tại UBND phường L, Tp. Q trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp.Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ nhau; tuy nhiên,quá trình chung sống chị N và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, vì giữa chị và anh M không có sự đồng cảm chia sẻ. Anh M không chăm lo vợ con mà còn chơi cá độ bóng đá gây nợ nần chị và gia đình phải nhiều lần trả nợ thay cho anh M. Chị N nhiều lần động viên và mong muốn anh M có thời gian sửa chữa nhưng anh M không thực hiện dẫn đến hai bên sống lạnh nhạt rồi dần dần không còn tình cảm. Thời gian qua, gia đình hai bên đã động viên anh chị để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện tại chị N và anh M sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án anh M không đến Tòa để hòa giải, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí trong xây dựng hạnh phúc gia đình với chị Ngọc. Nhận thấy tình cảm giữa chị N và anh M thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, khả năng hàn gắn là không được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh M có 01 con chung tên Phạm Lâm A, sinh ngày 09/4/2018. Sức khỏe cháu A bình thường, hiện nay cháu A đang ở với chị

N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao con cho ai nuôi là phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh cha mẹ có đảm bảo cho sự phát triển bình thường của con hay không. Xét yêu cầu của chị N được nuôi cháu A, HĐXX nhận thấy: Chị N có nhà ở và thu nhập ổn định. Hiện tại cháu A còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang ở ổn định với chị N nên cần sự chăm sóc của người mẹ mới đảm bảo phát triển toàn diện của cháu. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu A cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Như N ly hôn anh Phạm Quang M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Phạm Lâm A, sinh ngày 09/4/2018 cho chị Nguyễn Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản..

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Như N không yêu cầu Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như N phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002024 ngày 23/9/2019của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q (chị N đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND P. L, Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Quang Định